TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 9 – 2020
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Trần Hoàng Việt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Chí Hướng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 156/2020/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Sơn Thị Thu D**; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 0 ấp A, xã T, huyện T, tỉnh S (Bà D vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: **Ông Quách T**; Sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 0 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (Ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Sơn Thị Thu D trình bày:

Bà với ông Quách T tổ chức lễ cưới vào năm 2006. Nhưng đến năm 2013, ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 26 tháng 3 năm 2013. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn

nhân không còn hạnh phúc. Ông bà đã không còn sống chung từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, bà D với ông T có một con chung tên Quách Anh T, sinh ngày 13/10/2005. Hiện cháu đang sống với bà D.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà Sơn Thị Thu D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Quách T.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dân trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Quách Thuận không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 156/TB-TLVA ngày 01 tháng 7 năm 2020, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Quách T nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Thu D. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Sơn Thị Thu D ly hôn với ông Quách T. Về con chung: Giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Quách T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Sơn Thị Thu D và ông Quách T đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà Sơn Thị Thu D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, còn ông Quách T mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần

thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà D và ông T.

[2] Về nội dung: Bà Sơn Thị Thu D và ông Quách T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 26 tháng 3 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp.

[3] Xét lý do xin ly hôn của bà D, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà D, ông T hạnh phúc cho đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người thường xuyên cãi vã. Ông bà đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử xét thấy bà D, ông T đã mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong thời gian dài, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[4] Về con chung: Cháu Quách Anh T, sinh ngày 13/10/2005 đang sống cùng bà D. Vào ngày 21/7/2020, tại Tòa án cháu T trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha và mẹ cháu ly hôn. Bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Xét thấy, bà D có đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu này là có căn cứ chấp nhận được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà D không yêu cầu nên ông T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà D yêu cầu nên bà D phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Sơn Thị Thu D.

- Về hôn nhân: Bà Sơn Thị Thu D được quyền ly hôn với ông Quách T.

- Về con chung: Giao cháu Quách Anh T, sinh ngày 13/10/2005 cho bà Sơn Thị Thu D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Quách T không phải cấp dưỡng cho con. Ông Quách T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Quách T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Sơn Thị Thu D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Quách T. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Sơn Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0002191 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà Sơn Thị Thu D đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-UBND xã T, h T;
-Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân